

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-9-2020
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Kỳ Tùng và bà Đỗ Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký TAND huyện TA, tỉnh Phú Yên

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TA tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Duy T, sinh năm 1984

Bị đơn: Chị Lê Thị O, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Thôn KS, xã AT, huyện TA, tỉnh Phú Yên

Anh T có mặt tại phiên tòa, chị O vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2020 và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn anh Lê Duy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị O kết hôn năm 2007, trên tinh thần tự nguyện được UBND xã AT cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng đầm ấm hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân năm 2011 chị O có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bỏ nhà đi, đến năm 2013 chị O quay về anh bỏ qua để vợ chồng lo cho con, đến năm 2019 chị O lại tiếp tục quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bỏ bê gia đình không chăm sóc. Nay anh không còn tình cảm với chị O và không thể tha thứ để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn quay lại sống chung với nhau nên anh đề nghị giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh và chị O có 02 con chung là Lê Anh P, sinh ngày 01/5/2007 và Lê Duy N, sinh ngày 17/3/2013. Hiện nay anh đang nuôi nên ly hôn anh xin tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn Lê Thị Kim O đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 16/6/2020, Công an xã AT cung cấp: chị O có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, thỉnh thoảng thấy chị O về nhà.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết đề nghị tòa giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống gia đình; nhận nuôi các con chung Lê Anh P và Lê Duy N, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành nên chịu mọi hậu quả pháp lý.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Duy T; các con chung Lê Anh P, sinh ngày 01/5/2007 và Lê Duy N, sinh ngày 17/3/2013 có nguyện vọng được ở với ba nên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lê Duy T và chị Lê Thị O được UBND xã AT, huyện TA cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 ngày 24/9/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp và anh T có yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp ly hôn.

[2] Áp dụng pháp luật về tố tụng: Anh Lê Duy T yêu cầu ly hôn chị Lê Thị O nên áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

[3] Áp dụng pháp luật về nội dung: Tranh chấp giữa anh Lê Duy T và chị Lê Thị O là tranh chấp về ly hôn và con chung. Do đó, căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Duy T và chị Lê Thị O được UBND xã AT, huyện TA cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 ngày 24/9/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo anh T trình bày từ năm 2011 chị O có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bỏ nhà đi đến năm 2013 quay về, vì giữ hạnh phúc gia đình và các con được chăm sóc đầy đủ cả cha lẫn mẹ nên anh đã bỏ qua, tha thứ để vợ chồng cùng chăm lo gia đình nhưng đến năm 2019 chị O lại tiếp tục quen người đàn ông khác thường xuyên bỏ nhà đi không chăm sóc gia đình, một mình anh lo cho hai con chung và mẹ của chị O đang ở chung cùng vợ chồng anh.

Nay để tư tưởng thoải mái và ổn định cuộc sống nên anh đề nghị Tòa giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh T, chị O đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T được ly hôn chị O.

[4.2] Về con chung: Anh T và chị O có 02 con chung là Lê Anh P, sinh ngày 01/5/2007 và Lê Duy N, sinh ngày 17/3/2013. Nay ly hôn các con có nguyện vọng được ở với anh nên anh xin nhận nuôi các con chung và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Duy T, anh T được ly hôn chị Lê Thị O.

Về con chung: Giao anh Lê Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lê Anh P, sinh ngày 01/5/2007 và Lê Duy N, sinh ngày 17/3/2013, chị O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Anh Lê Duy T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh T đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0011872 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TA.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h. TA;
- Chi cục THADS h. TA;
- UBND xã AT (Giấy CHKH số 12, quyền số 01 ngày 24/9/2007);
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cơ